

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

2. Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 432 ấp VB, xã AVN, thành phố T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 432 ấp VB, xã AVN, thành phố T, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: 72 VPC, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LBN, thành phố Tân An vào ngày 03/5/1996. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên ông N và bà H

đã không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hải T, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành có công việc ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Bà H cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa ông N và bà H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, ông N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LBN, thành phố Tân An vào ngày 03/5/1996, nên quan hệ hôn nhân của ông N và bà H được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc ông N xin ly hôn với bà H tại Tòa án nhưng bà H không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông N xác định không còn tình cảm gì với

bà H và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng minh quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N với bà H.

[3] Về con chung: Ông N và bà H có 02 con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N xin ly hôn với và bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.
2. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông N đã nộp theo biên lai thu số **0001488 ngày 12/4/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An sang để thi hành án phí.
4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Thu Hương